

Đức Phật trong kinh Milindapanha

ISSN: 2734-9195

08:25 06/03/2026

Đức Phật trong Kinh Milindapanha được đề cập đến một cách khá đầy đủ, trên mọi phương diện, góc cạnh, rất đời thường, dễ hiểu về một con người phi thường, vĩ đại.

Tác giả: **GS.TS. Nguyễn Hùng Hậu**

Viện Trần Nhân Tông - Đại học Quốc gia Hà Nội

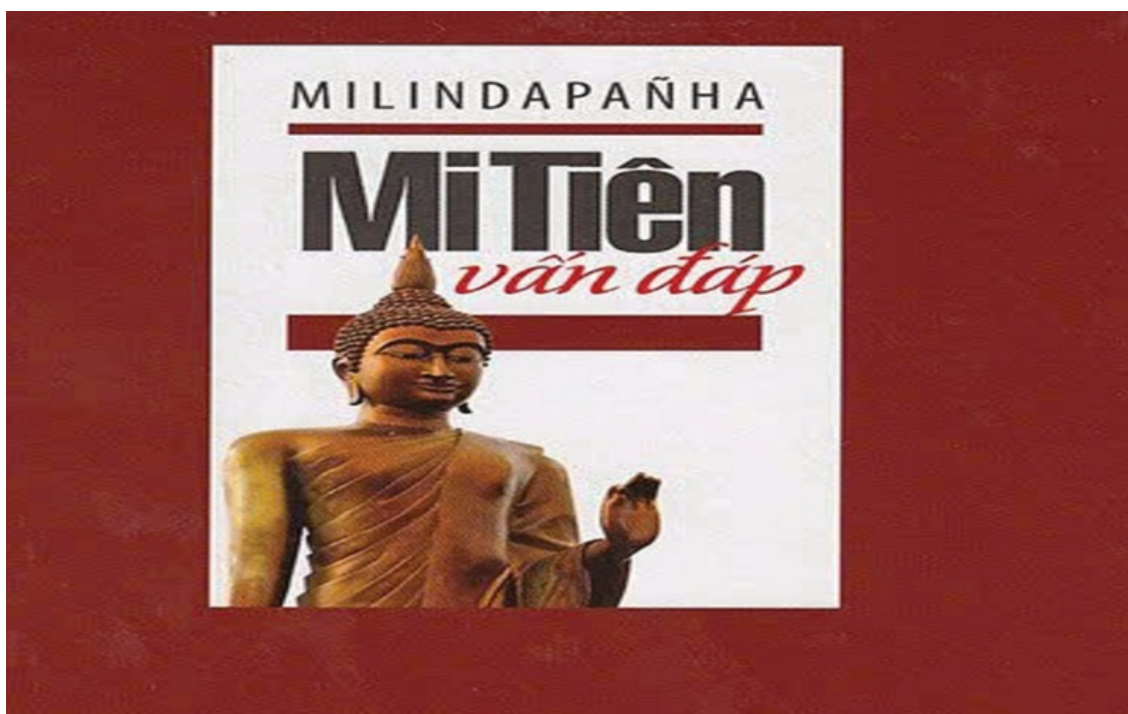
Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 03/2026

Tóm tắt:

Kinh Milindapanha có vị trí, vai trò vô cùng quan trọng trong truyền thống Nikaya cũng như Hán tạng, là cuộc đối thoại đầu tiên giữa phương Đông và phương Tây; là bản tổng kết, hệ thống hóa những tư tưởng của Phật giáo Nguyên thủy và mở ra những khuynh hướng mới cho Phật giáo Đại thừa.

Bản Kinh đã lý giải khúc triết, trí tuệ, đầy tính thuyết phục, chẳng hạn, đức Phật tối thượng tôn bảo ra sao, tối thắng như thế nào; Ngài có phải là Người biết tất cả? Tại sao đức Thế Tôn không dùng tứ thần túc để duy trì thọ mạng? Tại sao đức Thế Tôn không thu thúc lục căn? Đức Thế Tôn là người khai sáng đạo hay đạo đã có sẵn từ ngàn xưa?... Đặc biệt nói về cuộc đời đức Phật; sự hiểu biết của đức Phật và những điều Ngài dạy cho chúng ta; tu Phật, cái gì là quan trọng; đức Phật có còn khổ không?...

Từ khóa: Đức Phật, Kinh Milindapanha, Đại thừa, Nguyên Thủy, Giác Ngộ,...



Kinh Milindapanha xuất hiện khoảng 500 năm sau khi **đức Phật** nhập diệt, (khoảng thế kỷ I tr.CN). Milindapanha còn gọi là Milinda vấn kinh, ghi lại cuộc đối thoại giữa vua Milinda (vua gốc Hy Lạp) với Tỳ khưu Nagasena (Na Tiên), bởi vậy, có thể coi đây là cuộc đối thoại đầu tiên giữa phương Đông và phương Tây được ghi lại trong Nikaya và Hán tạng.

Ngay mỗi pháp (mỗi sự vật hiện tượng), chẳng hạn như con người Na Tiên (nagasena), cỗ xe,... được xem như một hệ thống động gồm nhiều yếu tố động liên hệ mật thiết với nhau, không tách rời nhau, do nhân duyên kết hợp với nhau mà thành, nên tạm gọi nó là “nó”. Điều này đã đi trước Ludwig von Bertalanffy (1901- 1972), cha đẻ của Lý thuyết hệ thống tổng quát (General System Theory) khoảng 20 thế kỷ. Nhưng Phật giáo khác biệt Ludwig von Bertalanffy ở chỗ, coi mỗi hệ thống chỉ là các duyên kết hợp (giả tạm), không phải là bất biến.

Trong kinh có khá nhiều câu hỏi liên quan đến đức Phật, câu hỏi 164, liên quan đến chư Phật quá khứ có tu khổ hạnh không, đã nói khá rõ về cuộc đời đức Phật. Theo đó, đức Phật “thành lập gia thất vào năm 16 tuổi, đến năm 29 tuổi mới xuất gia. Suốt mười ba năm sống trong nhung lụa, với vợ đẹp, hầu xinh, món ngon, vật lạ, tiệc tùng, xướng hát,... Bồ tát (kiếp trước đức Phật) không đắm say sao?

Nếu không đắm say thì **Bồ tát** đã tìm cách thoát khỏi “ngục vàng” lâu rồi! Như thế thì trong con người của Bồ tát có những loại trí tuệ như “trí tuệ xuất ly”, “trí tuệ nhàm chán” chưa phát sinh. Phải đợi đến khi trẻ Rahula ra đời, đêm ấy cũng là đêm mà Bồ tát chợt thấy: “Cung nga thể nữ nằm mớ, người ngáy... đã

phơi bày ra đầy tất cả các sự thật bất tịnh của con người. Nhờ thấy rõ như thế, “tuệ nhàm chán” mới phát sinh nơi Bồ tát. “Tuệ nhàm chán” phát sinh, đồng thời, “tuệ xuất ly” cũng phát sinh... Thế rồi Bồ tát mới cương quyết xuất gia.

Điều ấy chứng tỏ gì? “Chúng tở Ba-la-mật của Bồ tát chưa viên dung và trí tuệ chưa đầy đủ, cần phải bổ xung thêm”(1). Nagasena giải thích thêm rằng kiếp sống chuyển tiếp của Bồ tát từ cung trời Tusita, qua kiếp sống làm thái tử Sĩ-đạt-ta, đến năm hăm chín tuổi là giai đoạn mà Ba-la-mật đang tiềm ẩn, chưa mở cửa để lộ diện. Sau khi thoát khỏi “ngục vàng”, tìm đường xuất gia, do năng lực xuất ly đã được tạo trử từ bốn a-tăng-kỳ và gần một trăm ngàn đại kiếp; Bồ tát biết rằng sẽ còn vượt qua từng giai đoạn... cam go, gian nan, thử thách. Còn 6 năm nữa mới đạt quả vị Chính Đẳng Giác thì 6 năm ấy phải cắt đứt trọn vẹn tất cả mối buộc ràng từ vô thủy đã giam giữ Bồ tát giữa cõi tử sinh luân hồi thống khổ. Mười ràng buộc, đó là mẹ, cha, vợ, con, thân quyến, bạn, tài sản, lợi lộc, chức quyền, ngũ dục; thuộc về lưu luyến, ái luyến, quyến niệm, dục niệm... hằng giam giữ chúng sinh không chịu buông tha. Nếu 6 năm nữa mới xuất gia thì khỏi mất công thời gian khổ hạnh

6 năm, mà sau này, **đức Thế Tôn** bảo là 6 năm lăm lặc. Vua Milinda hỏi, sao không đợi 6 năm nữa mới xuất gia? Sao biết lăm lặc mà Bồ tát cũng vẫn tình nguyện bước vào? Nagasena trả lời, nếu 6 năm nữa mới xuất gia thì rơi vào cạm bẫy của Ma vương; đồng thời khi “trí tuệ xuất ly” đã khởi, với logic tích lũy Ba-la-mật từ vô vàn kiếp trước thì không thể không xuất gia. Nhưng tại sao Bồ tát lại phải hành khổ hạnh? Bồ tát phải hành khổ hạnh là vì truyền thống tín ngưỡng đương thời xem khổ hạnh là con đường tối thượng, là phương pháp được thế gian tôn trọng, kính ngưỡng; ai mà chưa tu khổ hạnh thì chưa được gọi là tu. Chọn khổ hạnh là Bồ tát muốn thử chí nguyện kiên cường, bất khuất của mình; mặt khác, đạo Phật có xuất hiện cũng là cho con người, là vì cuộc đời, nên không có lý do gì Ngài lại phải đi ngược lại niềm tin và sự trọng vọng của thế gian. Nên đi theo con đường khổ hạnh như là cái gì tất yếu, phải chứng nghiệm, phải vượt qua. Nhưng dường như càng nhịn thở, nhịn ăn, cho đến tuyệt thực, chấm dứt cả hơi thở thì cơ thể Ngài càng suy yếu, chỉ có thể đưa đến chấm dứt sự sống, chứ không phải phát sinh tuệ giác. Nhờ vậy, khi ăn uống trở lại bình thường, Ngài dễ dàng chứng quả vô lậu tận, tựu thành Thánh tuệ thấy rõ Tứ đế, vô sinh Niết bàn.

Như vậy, nếu Ngài nhập diệt năm 544 tr.CN, thì Ngài sinh năm 624 tr.CN (tức thế kỷ VII tr.CN). 16 tuổi lập gia đình, tức Ngài lấy vợ vào năm 608 tr.CN. Ngài sống với vợ con 13 năm, tức đến năm 595 tr.CN, Ngài mới xuất gia, tu khổ hạnh 6 năm, tức từ 595 tr.CN đến năm 589 tr.CN mới giác ngộ, cuối cùng là 45 năm thuyết pháp (không phải 49 năm), thọ 80 tuổi.

Trong kinh Milindapanha có đoạn đối thoại khá hay, thiết nghĩ vô cùng rõ ràng, lý thú, không cần bình luận gì hơn. Hôm kia, tôn giả Dhammarakkhita dẫn Na-tiên (Nagasena) đi dạo qua một vùng đồi, chỉ tay vào một khu rừng xa, ngài nói:

- Có lần, Phật tổ nói gì về nắm lá trong tay so với lá cây trong rừng kia?

- Thưa, ngài bảo rằng, nhiều như lá cây trong rừng kia là hiểu biết của ngài; nhưng những gì ngài chỉ dạy, thuyết ra chỉ bằng nắm lá trong tay của ngài thôi.

- Vậy là thế nào nhỉ?

- Thưa, **Đức Thế Tôn** chỉ nói những điều đáng nói, cần thiết, điều lợi ích cho chúng sinh; ngoài ra, những điều vô bổ, phù phiếm, những điều rỗng không nhằm thỏa mãn kiến thức, không đưa đến giác ngộ, giải thoát, ngài không nói.

- Đúng thế! Ngay chính những điều mà ngài nói ra, được ghi lại trong Tam Tạng, chúng có phải là Sự thật chẳng? Là chân lý chẳng?

- Thưa, không phải, chúng chỉ là ngón tay trỏ chỉ mặt trăng, chứ chẳng phải mặt trăng!

Tôn giả Dhammarakkhita gật đầu:

- Con hiểu vậy là chính xác!

Lúc ấy, một người chăn bò đang lừa một đàn bò đi ngang qua. Đợi cho đàn bò đi khuất, ngài Dhammarakkhita nói:

- Con có liên tưởng gì về người chăn bò và đàn bò này?

- Thưa, người chăn bò kia có lẽ biết rất rõ đàn bò ấy có mấy trăm con, bao nhiêu đực cái, bao nhiêu bê con, con nào già yếu, con nào sắp sinh... Y lại còn rất rành cách chăm sóc, nuôi dưỡng đàn bò sao cho mập, mau phát triển; nhưng vị ngon, vị ngọt của sữa bò như thế nào... thì có lẽ là người khác được hưởng còn y không được hưởng!

- Đúng như vậy.

- Thưa, cũng dường thế ấy, người lâu thông Tam tạng, rành rẽ giáo pháp, có thể giảng nói kinh nghĩa, kệ ngôn thao thao bất tuyệt, thảng này qua thảng nọ; phân tích chi ly từng mục, đoạn phần... các chi pháp rất rạch ròi, phân minh, nhưng nếu y chưa nếm được hương vị của Pháp, chứng nghiệm Pháp, sống trong Pháp, thì so với người chăn bò có khác gì đâu?

- Đúng như vậy! Này con, con đừng làm người chăn bò tội nghiệp kia nhé!

Tỳ kheo Na-tiên nghe rung động cả châu thân, thâm cảm kích sâu xa sự giáo giới, nhắc nhở của vị thầy siêu việt, ngài quý xuống ôm chân bụi bậc tôn trưởng:

- Lâu thông Tam tạng cũng trở nên rỗng không, vô ích nếu chưa chứng ngộ Pháp mầu (pháp học). Đệ tử biết là đệ tử phải làm gì rồi.(2)

Trong kinh đã lý giải rõ ràng, thuyết phục, liên quan đến **Đức Phật** có toàn giác không (câu 91), Nagasena trả lời *“Đức Thế Tôn đúng là bậc toàn giác, Ngài biết rõ tất cả các loại tâm. Duy nhất chỉ có đức Thế Tôn mới thông suốt, mới biết rõ sự hiện hữu và sự vận hành các tướng tâm ấy”(3)*. Vậy, các tướng tâm ấy là gì? Thứ nhất, tâm tham dục, sân hận, si mê, theo Ngài, đó là loại tâm chưa được tiến hóa, tâm của chúng sinh trong bốn đường dữ. Thứ hai, tâm của chúng sinh đã ra khỏi bốn ác đạo ấy, đó là tâm của những vị thánh Tu-đa-hườn, đã cắt đứt ba sợi ràng buộc là thân kiến, hoài kiến, giới cấm thủ, tâm đã bước vào dòng tiến hoá. Thứ ba, tâm của vị thánh Tư-đà-hàm, người đã làm nhẹ bớt thêm hai sợi dây ràng buộc là tham dục và sân hận. Thứ tư, tâm của vị thánh A-na-hàm mới trảy sạch năm mắc (năm sự “mắc kẹt”, năm chỗ bị dính chấp, trói buộc tâm thức, đó chính là ngũ uẩn, nên phải đạt đến Ngũ uẩn giai không), năm đốt (tức năm hạ phần kết sử). Thứ năm, tâm của vị A-la-hán, bậc đã cắt đứt luôn năm sợi dây ràng buộc còn lại là sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng tâm và vô minh. Đây là bậc vô sinh, vô lậu, giải thoát. Thứ sáu, tâm của vị Độc Giác Phật, là bậc tự tu, tự chứng, tự mình giác ngộ, giải thoát. Vị Độc Giác Phật có thể biết tâm của vị A-la-hán, còn vị A-la-hán không biết tâm của vị Độc Giác Phật. Thứ bảy, tâm của vị Phật Toàn Giác có đầy đủ bốn tuệ và mười tám pháp vô ngại, vô lượng, bất khả tư nghì, chẳng ai sánh được. Đức Thế Tôn dễ dàng thấy biết tâm của chúng sinh, dễ dàng thấy biết mọi việc để hoá độ chúng sinh; dễ dàng và mau chóng quán xét sự việc gì cần biết như ý muốn. Trí giác, hiểu biết của đức Thế Tôn là vô hạn, muốn biết việc gì, điều gì, Ngài chỉ cần hướng tâm đến là biết ngay tức khắc với thời gian còn nhanh hơn cái chớp mắt. Như vậy, *“đức Thế Tôn là bậc Toàn Giác, không có việc gì trên thế gian mà Ngài hướng tâm đến lại không biết”(4)*.



Hình ảnh được tạo bởi AI

Một vấn đề mà đức vua Milanda cũng như chúng ta đều thắc mắc (câu hỏi 19): vậy, bậc vô sinh, tức **giác ngộ**, đắc đạo, Niết bàn, có còn khổ nữa không?

Nagasena trả lời:

- Thọ khổ nơi thân thì còn mà thọ khổ trong tâm thì không, tâu đại vương!

- Tại sao thế?

- Thân còn thọ khổ vì thân còn bị già, bị bệnh, còn bị sự biến hoại đổi khác do các định luật tự nhiên chi phối như định luật sinh học, định luật khí hậu, thời tiết, nắng mưa... Tâm không còn thọ khổ nữa là do tâm ấy đã dập tắt tất cả mọi nguyên nhân tạo tác đau khổ: ấy là vô minh, ái dục!

- Giác ngộ, giải thoát rồi mà còn đau khổ nơi thân, thế sao các ngài không Niết bàn đi (tức nhập diệt, theo Phật giáo Nguyên thủy)?

- Tâu đại vương! Các ngài chưa Niết bàn vì các ngài chẳng tham cầu sự sống mà cũng chẳng bất bình, chán ghét sự sống. Các bậc A-la-hán ấy họ sống an nhiên, tự tại giữa cuộc đời, còn duyên thì đến, hết duyên thì đi. Trái cây kia chưa đúng thời, chưa chín thì họ chẳng mong chín mau, chín vội bao giờ! Cho nên tôn giả Xá- Lợi-Phất thuở còn sinh tiền, có câu kệ ngôn sau:

"Tịch diệt chẳng ưa thích

Mà sự sống cũng không

Chẳng hy cầu tham luyến

Chẳng trái ý nghịch lòng

Còn duyên, thời thì ở

Hết duyên, thời thì đi

Không, vô tướng, vô tác

Tùy hữu vi, vô vi!"(5)

Bài kệ mang hơi thở Đại thừa, làm ta nhớ tới Tuệ Trung Thượng sĩ, Phật Hoàng Trần Nhân Tông của Việt Nam. Liên quan đến vấn đề này là câu hỏi 97, đức Thế Tôn còn khổ chút ít nào không? Nagasena trả lời: Đau khổ chút ít ở nơi thân thì có, còn ở nơi tâm thì hoàn toàn không! Ông cho rằng sống giữa cõi đời này, còn mang thân xác tứ đại, còn cảm thọ, còn tri giác... nên phải nhận chịu các định luật tương tác ở chung quanh của nhiên giới, của xã hội và con người. Những chuyện trái ý nghịch lòng, được mất, hơn thua, khen chê... rơi xuống thân tâm chúng ta cũng giống như những viên đá từ hư không rơi xuống mặt đất. Mặt đất đâu có tạo nghiệp gì mà phải bị như thế, hử đại vương? Ông nhắc lại lời Phật,

đừng có qui mọi sự thọ khổ về nghiệp mà không thấy rõ định luật của tự nhiên(6). Qua đây ta thấy, đức Phật không phủ định những qui luật của tự nhiên mà cho tất cả là do Tâm tạo như một số người thường nghĩ.

Trong kinh đã lý giải rõ ràng, thuyết phục, liên quan đến Phật là tối thượng tôn bảo ra sao (câu 50), Phật tối thắng như thế nào (câu 51); bậc Toàn Giác biết tất cả (câu 60), đức Thế Tôn có tâm đại bi hay không (câu 92); đức Thế Tôn có còn khổ chút ít nào không (câu 97), tại sao đức Thế Tôn không dùng tứ thần túc để duy trì thọ mạng? (câu 99). Nagasen cho rằng đức Thế Tôn tùy thời, tùy xứ, tùy căn, tùy cơ, tùy nhân, tùy duyên... mà đến và đi chứ không thể tùy ước muốn của chúng sinh được. Không phải người nào đức Thế Tôn cũng độ được. Rồi, tại sao có những câu hỏi mà đức Thế Tôn im lặng không trả lời (câu 101), tại sao đức Thế Tôn không thu thúc lục căn? (câu 110), ai là thầy của đức Thế Tôn (câu 118), đức Thế Tôn có còn bất bình, sân hận (câu 122), tại sao đức Thế Tôn không thu thúc cái bụng? (câu 126), đức Thế Tôn là người khai sáng đạo hay đạo đã có sẵn từ ngàn xưa? (câu 139)...

Kết luận

Đức Phật trong Kinh Milindapanha được đề cập đến một cách khá đầy đủ, trên mọi phương diện, góc cạnh, rất đời thường, dễ hiểu về một con người phi thường, vĩ đại. Cuốn kinh này còn nhiều những vấn đề lý thú khác như Lý duyên khởi, Thập nhị nhân duyên, Giáo hội, Tăng, nguyên nhân đi tu, làm sao biết Niết Bàn là tối thượng lạc, nghiệp trú ở đâu,... đặc biệt là vấn đề hóc búa nhất, vấn đề tái sinh (vào cửa nào để đầu thai, sự liên hệ giữa kiếp này và kiếp kia, tương quan giữa thân trước và thân sau, cái gì dẫn dắt đi tái sinh, thời gian tái sinh,...), ba yếu tố đầu tiên khó nhất trong Thập nhị nhân duyên là vô minh, hành, thức,...

Tác giả: **GS.TS. Nguyễn Hùng Hậu**

Viện Trần Nhân Tông - Đại học Quốc gia Hà Nội

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 03/2026

Chú thích:

(1) *Milindapanha. Mi Tiên vấn đáp. Dịch giả: Hoà thượng Giới Nghiêm; Hiệu đính: Tỳ Kheo Giới Đức. Nxb. Phương Đông.*

Theravada. Phật giáo Nam tông Việt Nam. Tái bản lần thứ 9, có chỉnh sửa, Mùa an cư 1982-Phật lịch 2526, tr. 468

(2) Xem sách đã dẫn, tr. 52-53

(3) Sách đã dẫn, tr. 218

(4) Sách đã dẫn, tr. 221

(5) Xem sách đã dẫn, tr. 98-99

(6) Xem sách đã dẫn, tr. 240-243

Tài liệu tham khảo:

1] Milindapanha. Mi Tiên vấn đáp. Dịch giả: Hòa thượng Giới Nghiêm; Hiệu đính: Tỳ Kheo Giới Đức. Nxb. Phương Đông. Theravada. Phật giáo Nam tông Việt Nam. Tái bản lần thứ 9, có chỉnh sửa, Mùa an cư 1982 - PL.2526